



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
BƯU ĐIỆN QUẢNG NAM**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2013

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	2
1. Thông tin khái quát:	2
2. Quá trình hình thành và phát triển:.....	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	3
3.1 Ngành nghề kinh doanh chính:	3
3.2. Địa bàn kinh doanh:	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:	4
4.1. Mô hình quản trị.....	4
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	4
5. Định hướng phát triển:	5
6. Các rủi ro:	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	7
2. Tổ chức và nhân sự:	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	17
4. Tình hình tài chính:	17
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	18
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	21
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	21
2. Tình hình tài chính	21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:	22
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:	22
4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013:	22
4.2 Kế hoạch tiền lương 2013:	22
4.3 Kế hoạch đầu tư:	22
4.4 Kế hoạch tài chính:	22
4.5 Thông qua chủ trương lựa chọn đơn vị kiểm toán:	22
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	22
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	23
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:	23
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:.....	23
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:	24
Định hướng chiến lược phát triển năm 2013:	24
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	25
1. Hội đồng quản trị:	25
2. Ban Kiểm soát:	26
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:	30
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	32
1. Ý kiến kiểm toán	35
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:	37

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
Năm báo cáo: Năm 2013

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000364082 đăng ký lần đầu ngày 25/01/2002, Đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 01/04/2014.
- Vốn điều lệ: **15.000.000.000 VND** (Mười lăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **21.103.967.302 VND** (Hai mươi một tỷ, một trăm lẻ ba triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm lẻ hai đồng).
- Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Tp Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.
- Số điện thoại : 0510.3811811
- Số fax : 0510.3811999
- Website : <http://www.qtc.vn>
- Mã cổ phiếu : **QCC**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

✚ Năm 2002:

- ✓ Ngày 25/01/2002, Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (QTC) được thành lập.
- ✓ Ngày 26/02/2002, Chi nhánh Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Đà Nẵng được thành lập.

✚ Năm 2003:

- ✓ Ngày 23/9/2003, Xí nghiệp Xây lắp và Sản xuất vật liệu Bưu điện trực thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được thành lập .
- ✓ Ngày 08/10/2003 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 3,5 tỷ đồng lên 5 tỷ đồng.

✚ Năm 2006:

- ✓ Ngày 17/4/2006, Đổi tên Xí nghiệp Xây lắp và Sản xuất vật liệu Bưu điện trực thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam thành Xí nghiệp QTC I trực thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✓ Ngày 17/4/2006, Xí nghiệp QTC III - Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Quảng Ngãi được thành lập.
- ✓ Ngày 21/4/2006, Xí nghiệp QTC II - Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Đà Nẵng được thành lập.
- ✓ Ngày 25/05/2006 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 5 tỷ đồng lên 7 tỷ đồng.

✚ Năm 2007:

- ✓ Ngày 05/4/2007, Xí nghiệp Xây lắp và Sản xuất vật liệu Bưu điện trực thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được thành lập.

- ✓ Ngày 24/05/2007 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 7 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng.
- ✓ Ngày 01/6/2007, tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam và giải thể Xí nghiệp QTC II - Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Đà Nẵng.
- ✓ Ngày 01/6/2007, Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được thành lập
- ✓ Ngày 18/6/2007, Chi nhánh Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại tỉnh Khánh Hòa được thành lập.

✚ Năm 2008:

Ngày 18/01/2008, Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được Cục sở hữu trí tuệ chứng nhận nhãn hiệu được bảo hộ Logo “QTC”.

✚ Năm 2009:

- ✓ Ngày 19/6/2009, Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Đà Nẵng được thành lập.
- ✓ Ngày 28/4/2009, tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam và giải thể Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✓ Ngày 08/5/2009, Phòng đo kiểm viễn thông thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được thành lập.
- ✓ Ngày 01/7/2009, tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam và giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Đà Nẵng.

✚ Năm 2010:

- ✓ Ngày 06/10/2010, Mã cổ phiếu (QCC) của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam chính thức giao dịch trên sàn Hà Nội (HNX).
- ✓ Ngày 15/10/2010, tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam và giải thể Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Đà Nẵng.

✚ Năm 2011:

Ngày 28/12/2011, tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam và giải thể Xí nghiệp QTC I, Xí nghiệp QTC III trực thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.

✚ Năm 2012:

Ngày 28/12/2012, tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam và giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại tỉnh Khánh Hòa.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

3.1 Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thi công các công trình xây lắp bưu chính- viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình.
- Dịch vụ đo kiểm viễn thông
- Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất
- Sản xuất sản phẩm cốt bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông
- Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, các thiết bị viễn thông tin học
- Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh

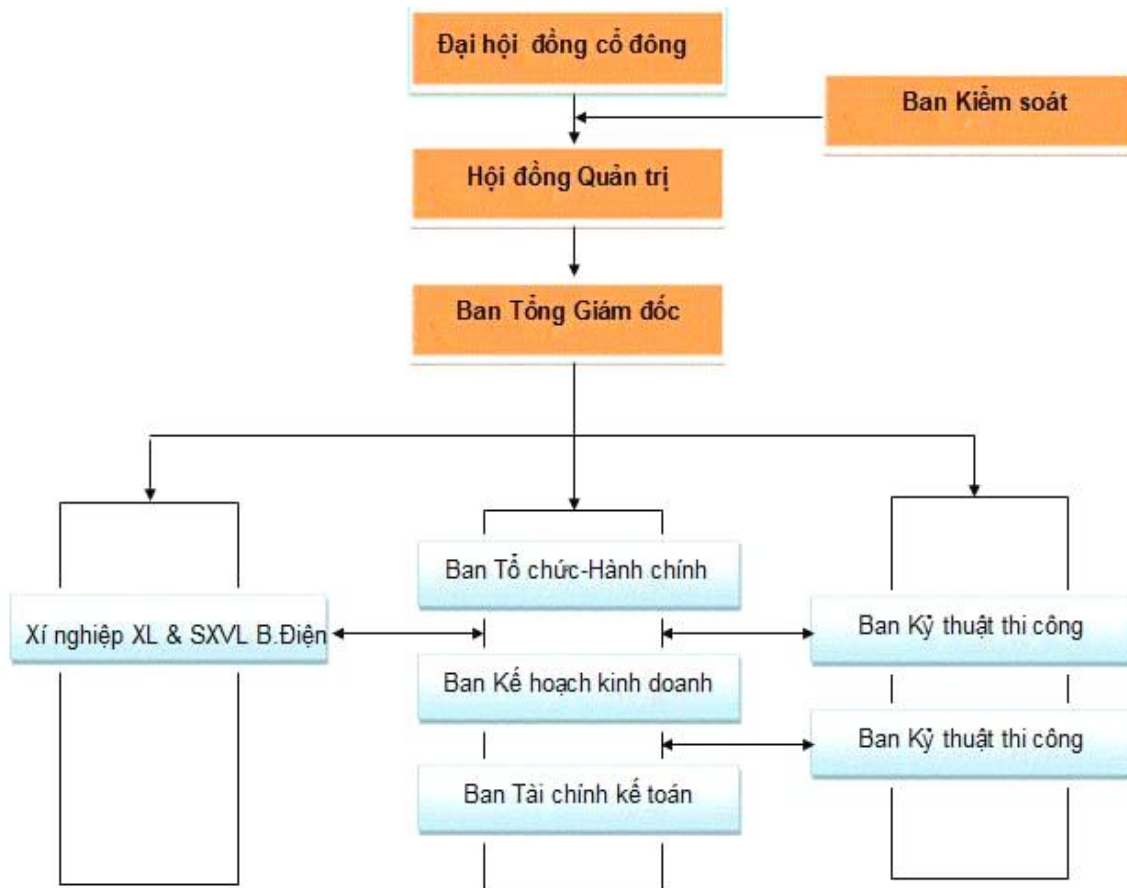
3.2 Địa bàn kinh doanh: Khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị.

- ✚ **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.
- ✚ **Ban kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- ✚ **Tổng giám đốc:** Tổng giám đốc điều hành Công ty là người Đại diện theo pháp luật của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giám đốc điều hành Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng giám đốc điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✚ **Phó Tổng giám đốc:** Các Phó Tổng giám đốc điều hành Công ty giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc điều hành, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc điều hành Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.
- ✚ **Các Ban chức năng:** Do Hội đồng quản trị thành lập trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc điều hành, các Ban chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Tổng giám đốc điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của Ban, đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.



4.3. Các công ty con, công ty liên kết: **Không**

5. Định hướng phát triển :

Giai đoạn 2012-2016: Tiếp tục thực hiện chủ trương tăng cường củng cố và duy trì hoạt động xây lắp, từng bước chuyển hoá sang lĩnh vực đầu tư, phù hợp với mục tiêu của công ty. Xây dựng công ty theo định hướng thành công ty đầu tư bằng cách tiếp tục củng cố và duy trì sự phát triển vững chắc trong hoạt động xây lắp, tạo tiền đề cho hoạt động đầu tư của Công ty, đầu tư chính là nguồn của xây lắp, sự kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư và xây lắp tạo thành một mô hình cung cầu khép kín theo phương châm truyền thống của ngành, từ đó tạo nên sức mạnh trong cạnh tranh và phát triển Công ty.

Nâng cao năng lực đầu tư, tập trung vào những dự án có quy mô vừa và nhỏ phù hợp với năng lực của Công ty, đặc biệt chú trọng đến dự án của công ty đầu tư phát triển kinh doanh hạ tầng Khu dân cư mà Công ty xin được làm nhà đầu tư. Như vậy, một mặt giúp Công ty vừa nâng cao tỷ trọng đầu tư mặt khác giúp Công ty nhanh chóng, tiếp cận, thích ứng quy trình đầu tư từ đó nâng cao nghiệp vụ, chất lượng của Công ty trong hoạt động đầu tư.

Chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục sắp xếp, củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức, tác phong và lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên, lấy đó làm nền tảng cho kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị.

Lĩnh vực thi công xây lắp: Trong chiến lược chuyển dần Công ty sang hoạt động đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng. Công ty xác định sẽ tiếp tục duy trì ở mức phù hợp lĩnh vực truyền thống là hoạt động xây lắp ngành viễn thông, tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động khác của Doanh nghiệp.

Lĩnh vực dịch vụ: Đi cùng với các sản phẩm xây lắp thì Công ty sẽ phải phát triển hệ thống dịch vụ chăm sóc khách hàng, tiến tới chuyên nghiệp hóa trong hoạt động truyền thống của ngành.

Lĩnh vực đầu tư: Hoàn thiện các hạng mục đầu tư Khu dân cư Sơn Xuyên, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam với chất lượng tốt nhằm nâng cao uy tín của Công ty trong lĩnh vực bất động sản. Đồng thời Công ty đẩy mạnh triển khai các dự án tự tìm kiếm các dự án khác.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Lĩnh vực xây lắp: Không ngừng củng cố và nâng cao lĩnh vực hoạt động truyền thống là hoạt động xây lắp. Bằng các hoạt động cụ thể, duy trì sản lượng xây lắp ở mức tăng trưởng ổn định từ 10% - 15%/năm.

Lĩnh vực đầu tư dự án hạ tầng: Nghiên cứu lập dự án và tham gia triển khai các dự án hạ tầng vừa và nhỏ tại tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận.

Tùy theo tình hình chung, Công ty sẽ chủ động điều tiết phát triển các dự án bất động sản và hạ tầng để tránh rủi ro và vẫn xác định đây là lĩnh vực quan trọng phải theo đuổi, chuẩn bị nhân sự, xây dựng các kế hoạch phát triển cho phù hợp.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Đối với cộng đồng:

Với tinh thần hướng tới cộng đồng, Công ty QTC luôn mong muốn mang lại nhiều lợi ích cho khách hàng các dịch vụ xây lắp và chăm sóc khách hàng. Lãnh đạo QTC mong muốn khi khách hàng truyền thông tìm hiểu về các dịch vụ của công ty đầu tư sẽ được biết đến một thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực đầu tư và xây lắp ngành Viễn thông.

Đối với nhân viên:

Công ty QTC là một doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư bất động sản. Với chứng nhận Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, chúng tôi là một trong những công ty tạo được một môi trường làm việc tốt với tác phong chuyên nghiệp.

QTC luôn tạo công ăn việc làm ổn định cho cán bộ công nhân viên cũng như hàng trăm người lao động phổ thông trong lĩnh vực xây lắp.

Đối với môi trường:

Công ty QTC luôn hướng tới đến các mục tiêu tạo ra sản phẩm thân thiện với môi trường. Tại các dự án do QTC đầu tư, phong cách thiết kế luôn hướng tới thiên nhiên.

6. Các rủi ro:

Xây dựng cơ bản nói chung và xây lắp các công trình viễn thông nói riêng là một trong những lĩnh vực có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của cả nước.

Bên cạnh những thuận lợi, công ty cũng gặp không ít khó khăn, bởi các nguyên nhân khách quan:

- + Thời gian triển khai các công trình thường kéo dài nên dễ chịu tác động của sự thay đổi về cơ chế, chính sách... và từ đó ảnh hưởng đến quá trình triển khai dự án.
- + Sự trượt giá của đồng tiền dẫn đến giá cả các loại vật liệu tăng theo thời gian; mức đầu tư của công trình tăng cao so với thời điểm trúng thầu.
- + Việc giải ngân vốn chậm ảnh hưởng lớn đến tiến độ công việc, gây khó khăn về tài chính cho doanh nghiệp, do thời gian trả lãi vay kéo dài.
- + Sự cạnh tranh của các đối thủ cùng ngành ngày càng gay gắt.

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, những rủi ro bất khả kháng cũng có thể xảy ra, như bão, lũ lụt... làm hư hỏng và thiệt hại các công trình đang thi công dở dang, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và hiệu quả kinh doanh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Năm 2013 với quyết tâm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra, dưới sự lãnh đạo hiệu quả của HĐQT và điều hành nhạy bén sáng tạo có trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đã cùng với tập thể người lao động đạt được một số kết quả sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	%/Kế hoạch	%/2012
1	Doanh thu	16.000.000.000	11.130.925.625	69,57	111,35
2	Lợi nhuận trước thuế	1.600.000.000	393.666.841	24,60	315,89
3	Lợi nhuận sau thuế	1.200.000.000	393.666.841	32,81	315,89
4	Cổ tức %	3-5%	0	0	0

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: Tính đến ngày 04/04/2014

+ Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Viết Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hoài Thanh	Ủy viên thường trực HĐQT
Ông Trần Đình Chinh	Ủy viên HĐQT

Số thành viên độc lập không tham gia điều hành trực tiếp Công ty là 02 người:

Ông Nguyễn Viết Hà và Ông Trần Đình Chinh.

+ Ban kiểm soát:

Ông Phạm Ngọc Hiệp	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đông	Ủy viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Trí Bảy	Ủy viên Ban kiểm soát

+ Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

Ông Trần Hoài Thanh	Tổng giám đốc
Ông Lưu Văn Minh Thành	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân	Phụ trách Kế toán

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong HĐQT, BKS, Ban điều hành:

+ Ông Nguyễn Viết Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 31/12/1969
CMND số	: 205659807; cấp ngày 15/08/2009; Công an tỉnh Quảng Nam cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Khối phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam;
Chỗ ở hiện tại	: Khối phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Điện tử viễn thông.
Chức vụ công tác hiện nay	: Phó Giám đốc Viễn thông Quảng Nam
Quá trình công tác	:

- + Từ 01/1995 - 12/1996: Kỹ sư Công ty Thiết kế Bưu điện Q.Nam Đà Nẵng.
- + Từ 01/1997 - 06/1997: Phó trưởng phòng KTNV Viễn thông QNam Đà Nẵng.
- + Từ 07/1997 - 05/2001: Phó Trưởng phòng quản lý Bưu điện Quảng Nam
- + Từ 06/2001 - 08/2006: Trưởng phòng quản lý Viễn thông tin học BĐ QNam
- + Từ 09/2006 - 10/2006: Phó trưởng phòng Đầu tư Bưu điện Quảng Nam
- + Từ 11/2006 - 12/2007: Trưởng phòng Đầu tư Bưu điện Quảng Nam

- ✚ Từ 01/2008 - 11/2009: Trưởng phòng Đầu tư Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 17/11/2009 đến nay: Phó Giám đốc Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	12.450 cổ phần (chiếm 0,83% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

+ Ông Trần Hoài Thanh – Ủy viên TT HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/12/1972
CMND số	: 201224593; cấp ngày 20/08/2009; Công an TP Đà Nẵng cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Hòa Cường - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng;
Chỗ ở hiện tại	: 34 Thanh Long - Phường Thanh Bình - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế.
Chức vụ công tác hiện nay	: Tổng giám đốc Công ty
Quá trình công tác	:

- ✚ Từ 09/1997 - 01/2002, Kế toán viên Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 02/2002 - 06/2009, Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc XN Xây lắp, Xí nghiệp QTC2.
- ✚ Từ 07/2009 - 12/2011, Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp QTC3.
- ✚ Từ 01/2012 - 03/2014, Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- ✚ Từ 04/2014 đến nay, Tổng giám đốc Công ty.

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	20.500 cổ phần (chiếm 1,37% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không

quan	
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

+ Ông Trần Đình Chinh – Ủy viên HĐQT

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 12/02/1965
CMND số	: 200534747; cấp ngày 13/05/2008; Công an TP Đà Nẵng cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Tổ 9, Phường Tam Thuận, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng;
Chỗ ở hiện tại	: KDC Bưu điện, Phường Hòa Thuận, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Điện tử viễn thông.
Chức vụ công tác hiện nay	: Ủy viên HĐQT nguyên Tổng giám đốc Công ty
Quá trình công tác	:

- ✚ Từ 1997 - 01/2002, Chuyên viên phòng QLVT-TH Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 02/2002 - 03/2006, Phó Giám đốc Công ty
- ✚ Từ 04/2006 - 09/2010, Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp QTC1.
- ✚ Từ 10/2010 - 03/2014, Tổng Giám đốc Công ty.
- ✚ Từ 04/2014 đến nay, Ủy viên HĐQT nguyên Tổng giám đốc Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	20.000 cổ phần (chiếm 1,33% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

+ Ông Phạm Ngọc Hiệp – Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 02/04/1971

CMND số : 201167387; cấp ngày 05/09/2001; Công an TP Đà Nẵng cấp.

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Hoà Xuân - Hoà Vang - Tp Đà Nẵng

Chỗ ở hiện tại : K69/16 Bùi Thị Xuân - An Trung - Q.Sơn Trà - Tp Đà Nẵng

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Toán-Tin học, Cử nhân kinh tế

Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng Viễn thông Quảng Nam

Quá trình công tác :

- ✚ Từ 11/1995 – 03/2002 Kế toán viên Bưu điện Hội An - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 04/2002 – 04/2004 Kế toán trưởng Bưu điện Hội An - B.Điện Quảng Nam
- ✚ Từ 05/2004 - 05/2004 Phó phòng Kiểm toán nội bộ Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 06/2004 - 01/2005 Phó phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ BĐ Quảng Nam
- ✚ Từ 02/2005 - 04/2007 Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ BĐ Quảng Nam
- ✚ Từ 05/2007 - 08/2007 Phó trưởng phòng Kế toán Cty ĐBĐT -BĐ Quảng Nam
- ✚ Từ 09/2007 - 12/2007 Trưởng phòng Kế toán Cty ĐBĐT -BĐ Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2008 - 12/2008 Trưởng phòng Kế toán Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2009 đến nay Kế toán trưởng Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 5.250 cổ phần (chiếm 0,35% VDL)

Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không

Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không

Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết : Không

+ Ông Nguyễn Đông – Ủy viên Ban kiểm soát Công ty

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 01/01/1973

CMND số : 201131809; cấp ngày 20/09/2007; Công an TP Đà Nẵng cấp.

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Thôn Trà Kiềm - Hoà Phước - Hoà Vang - Đà Nẵng

Chỗ ở hiện tại : Thôn Trà Kiềm - Hoà Phước - Hoà

Vang - Đà Nẵng
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Kế toán
 Chức vụ công tác hiện nay : Giám đốc Tài chính - Công ty Cp Đầu tư & Sản xuất Việt Hàn
 Quá trình công tác :

- ✚ Từ 11/1997 - 05/2001, Nhân viên Kế toán Bưu điện Duy Xuyên - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 06/2001 - 11/2003, Kiểm toán viên Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 12/2003 - 02/2007 Kế toán trưởng Công ty Cp Xây lắp & Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 03/2007 đến nay Giám đốc Tài chính Công ty Cp Đầu tư & Sản xuất Việt Hàn

Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 3.750 cổ phần (chiếm 0,25% VDL)
 Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không
 Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không
 Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết : Không

+ Ông Nguyễn Trí Bầy – Ủy viên Ban kiểm soát Công ty

Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 1967
 CMND số : 205181580; cấp ngày 20/07/2001; Công an Quảng Nam cấp.
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Khối phố 9, Phường An Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam
 Chỗ ở hiện tại : Khối phố 9, Phường An Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
 Chức vụ công tác hiện nay : Kỹ thuật viên TT Viễn thông Tam Kỳ - Phú Ninh thuộc Viễn thông Quảng Nam
 Quá trình công tác :

- ✚ Từ 05/1991 - 10/1991, Kỹ thuật viên Viễn thông Bưu điện Duy Xuyên - Bưu điện

Quảng Nam

- ✚ Từ 11/1991 - 11/1996, Kỹ thuật viên Viễn thông Bưu điện Thăng Bình - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 12/1996 - 06/1997, Kỹ thuật viên chuyển mạch Bưu điện Tam Kỳ - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 07/1997 - 03/1998, Kỹ thuật viên Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 04/1998 - 08/2002, Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 09/2002 - 02/2004, Chuyên viên Phòng Kế hoạch kinh doanh - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 03/2004 - 05/2005, Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 06/2005 - 12/2007, Phó trưởng Trung tâm Kinh doanh và Phát triển mạng lưới dịch vụ viễn thông CNTT Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2008 - 06/2010, Trưởng phòng phát triển kinh doanh mạng lưới Trung tâm Viễn thông 1 - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 07/2010 - 12/2010, Trưởng phòng phát triển kinh doanh mạng lưới Viễn thông Núi Thành - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2011 - 11/2012, Chuyên viên phòng KTTH-Trung tâm Viễn thông Tam Kỳ-Phú Ninh - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 12/2012 đến nay, Kỹ thuật viên -Trung tâm Viễn thông Tam Kỳ-Phú Ninh - Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	2.750 cổ phần (chiếm 0,18% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

+ Ông Lưu Văn Minh Thành – Phó Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 24/05/1975
CMND số	: 205144037; cấp ngày 02/07/2011; Công an Quảng Nam cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Điện Thọ 3, Điện Bàn, Quảng Nam;
 Chỗ ở hiện tại : Điện Thọ 3, Điện Bàn, Quảng Nam;
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân cao đẳng KT Viễn thông
 Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty
 Quá trình công tác :

- ✚ Từ 10/1995-12/2002, Kỹ thuật viên Bưu điện huyện Hiệp Đức-Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2003-04/2004, Kỹ thuật viên Công ty Điện báo điện Quảng Nam
- ✚ Từ 05/2004-04/2005, Chuyên viên Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 05/2005-09/2006, Phó phòng QL Thi công Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 10/2006-09/2010, Phó Giám đốc Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 10/2010-12/2011, Giám đốc Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2012-11/03/2014, Trưởng Ban KTTC - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam .
- ✚ Từ 12/03/2014 đến nay, Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 8.000 cổ phần (chiếm 0,53% VDL)
 Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không
 Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không
 Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết : Không

+ Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân – Phụ trách Kế toán Công ty

Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 10/02/1977
 CMND số : 201347816; cấp ngày 30/9/1994; Công an Quảng Nam Đà Nẵng cấp.
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : KDC Biên Phòng, Tam Kỳ, Quảng Nam
 Chỗ ở hiện tại : KDC Biên Phòng, Tam Kỳ, Quảng Nam
 Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán
 Chức vụ công tác hiện nay : Phụ trách Kế toán Công ty
 Quá trình công tác :

- ✚ Từ 08/2003-04/2004: Giao dịch Bru điện - Chi nhánh Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bru điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 05/2004-03/2006: Kế toán viên TC - Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bru điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 04/2006-09/2010: Kế toán viên TC - Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bru điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 10/2010-23/03/2012: Kế toán trưởng - Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bru điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 24/03/2012 đến nay: Phụ trách Kế toán Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bru điện Quảng Nam.

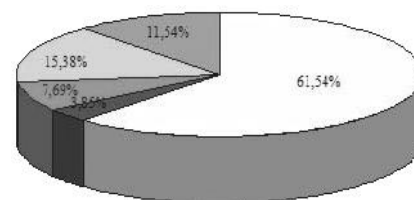
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 0 cổ phần (chiếm 0% VDL)
 Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không
 Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không
 Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết : Không

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ trước khi thay đổi	Chức vụ sau khi thay đổi	Thời điểm thay đổi	Lý do
1	Lưu Văn Minh Thành	Trưởng Ban Kỹ thuật thi công	Phó Tổng giám đốc	12/3/2014	Bỏ nhiệm
2	Trần Đình Chinh	Tổng giám đốc		01/04/2014	Thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc
3	Trần Hoài Thanh	Phó Tổng giám đốc	Tổng giám đốc	01/04/2014	Bỏ nhiệm

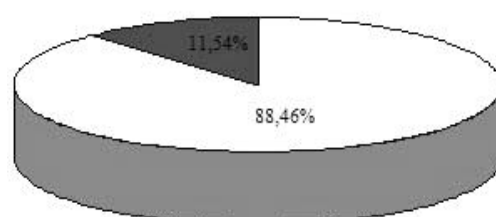
- Nhân sự Công ty: 26 người.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
Theo trình độ	26	100%
Đại học	16	61,54%
Cao đẳng	1	3,85%
Trung cấp	2	7,69%
Công nhân	4	15,38%
Chưa qua đào tạo	3	11,54%
Theo loại hợp đồng	26	100%
Không xác định thời hạn	23	88,46%
Xác định thời hạn	3	11,54%
Theo giới tính	26	100%
Nam	21	80,77%
Nữ	5	19,23%



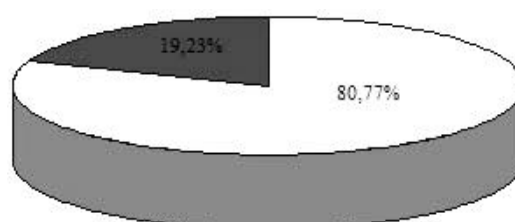
□ Đại học
 ■ Cao đẳng
 ■ Trung cấp
 □ Công nhân
 ■ Chưa qua đào tạo

Cơ cấu lao động theo loại hợp đồng



□ Không xác định thời hạn
 ■ Xác định thời hạn

Cơ cấu lao động theo giới tính



□ Nam
 ■ Nữ

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

a. Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư Dự án Khu dân cư Sơn Xuyên tại thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam:

Khái quát dự án:

- * Tổng diện tích của dự án : 22.313 m²
- Trong đó:
 - + Đất khai thác : 8.719,9 m²
 - + Đất tái định cư : 759,5 m²
 - + Đất thương mại dịch vụ : 394,5 m²
 - + Đất ở chính trang : 6.966 m²
 - + Đất giao thông và HTKT : 5.473,1 m²
- * Tổng vốn đầu tư : 24.144.334.841 đồng
- Doanh thu từ khai thác đất : 26.318.182.000 đồng
- Nộp ngân sách nhà nước (Tiền đất thô) : 441.362.419 đồng
- Lợi nhuận của doanh nghiệp : 1.732.484.740 đồng
- Ngoài ra ước lợi nhuận từ xây lắp HTKT : 2.600.000.000 đồng
- * Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp Quản lý dự án
- * Nguồn vốn đầu tư: Vận dụng nguồn vốn tự có của doanh nghiệp và nguồn vốn vay từ các Ngân hàng.
- * Thời gian thực hiện dự án: Năm 2013 - 2015

Tình hình đầu tư tài chính: Trong năm 2013 công ty không đầu tư thêm vào lĩnh vực tài chính.

b. Các công ty con, công ty liên kết: **Không**

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng (+) giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	23.068.015.542	37.767.162.335	164
Doanh thu thuần	9.996.274.594	11.130.925.625	111,35
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	- 662.391.534	521.911.935	
Lợi nhuận khác	787.011.679	-128.245.094	
Lợi nhuận trước thuế	124.620.145	393.666.841	315,89
Lợi nhuận sau thuế	124.620.145	393.666.841	315,89

- Các chỉ tiêu khác: **Không**.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	8,38	2,07	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	7,48	1,57	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,10	0,44	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,79	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	4,23	1,13	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,43	0,29	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,01	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,01	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	- 0,07	0,05	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

a. Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu.

- + Số cổ phần đang lưu hành: **1.500.000** cổ phần
- + Số cổ phần chuyển nhượng tự do: **1.500.000** cổ phần
- + Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **0** cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

- + Tổng số cổ phần: **1.500.000** cổ phần
- + Tổng số cổ đông theo danh sách ngày 04/04/2014 là 172 cổ đông. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), chiếm tỷ lệ 32,67% số cổ phần).

Các cổ đông tổ chức:

TT	Quốc gia	Tên tổ chức	Địa chỉ	Số cổ phần
1	Việt Nam	Tập Đoàn BCVT VN	57 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa Tp Hà Nội	490.000
2	Việt Nam	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc Tế ABC	614 Lạc Long Quân, Tây Hồ, HN	150.600
3	Việt Nam	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp HCM	50
		Tổng cộng:		640.650
		Tỷ lệ:		42,71%

Cổ đông cá nhân: 169 cổ đông với tổng số cổ phần là: 859.350 cổ phần (chiếm 57,29%)

Số cổ đông trong nước: 170 cổ đông, với tổng 1.491.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,40%

Số cổ đông nước ngoài: 2 cổ đông, với tổng 9.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,60%

TT	Quốc tịch	Tên cá nhân/tổ chức	Địa chỉ	Số cổ phần	Cá nhân/TC
1	Japan	Shirasaka Tsuyoshi	949 Saginomiya, Annaka City, Gunma, 379-0124, Japan	8.900	Cá nhân
2	Japan	Wataru Miyazawa	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	100	Cá nhân
		Tổng cộng:		9.000	
		Tỷ lệ:		0,60%	

Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), chiếm 490.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 32,67%. Cổ đông khác chiếm 1.010.000, tương ứng 67,33%.

Danh sách 20 cổ đông sở hữu cổ phần lớn nhất:

TT	Tên cá nhân/Tổ chức	Địa chỉ	Cá nhân/Tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập Đoàn BCVT VN	57 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa Tp Hà Nội	Tổ chức	490.000	32,67%
2	Công ty Cổ phần Tập	614 Lạc Long Quân,	Tổ chức	170.600	11,37%

TT	Tên cá nhân/Tổ chức	Địa chỉ	Cá nhân/Tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ
	đoàn Quốc Tế ABC	Tây Hồ, HN			
3	Huỳnh Văn Thành	71 đường 25 p tân quy q7 hcm	Cá nhân	71.700	4,78%
4	Trần Bá Toàn	65 Bà Triệu, Cẩm Phả, Hội An, Quảng Nam	Cá nhân	55.543	3,70%
5	Huỳnh Tấn Chung	Lô 33, Khu 6 Nguyễn Du, Tp Đà Nẵng	Cá nhân	52.500	3,50%
6	Đình Công Trạng	3C Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, Hà Nội	Cá nhân	35.000	2,33%
7	Trương Công Hòa	228 Đường 2/9 - Hải Châu - Đà Nẵng	Cá nhân	34.500	2,30%
8	Nguyễn Ngọc Anh	24 Lê Thánh Tôn, Đà Nẵng(KINGKHA555)	Cá nhân	30.000	2,00%
9	Nguyễn Đình Khả	177/6C Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.21, Q.Bình Thạnh, Tp HCM	Cá nhân	22.100	1,47%
10	Trần Hoài Thanh	Số 34, Đường Thanh Long, Đà Nẵng	Cá nhân	20.500	1,37%
11	Trần Đình Chinh	Cty xây lắp và PTDV Bưu điện Quảng Nam	Cá nhân	20.000	1,33%
12	Võ Thị Thu Thê	Khối phố 1 Trường Xuân, Quảng Nam	Cá nhân	18.000	1,20%
13	Nguyễn Hữu Thường	19 Trần Cao Vân , TP.Đà Nẵng	Cá nhân	17.500	1,17%
14	Nguyễn Việt Hà	Khối phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam	Cá nhân	12.450	0,83%
15	Phạm Hữu Xuân	29-Lô B-Cống Vị-Hà Nội	Cá nhân	12.250	0,82%
16	Châu Quang Trịnh	01 Trần Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam	Cá nhân	12.000	0,80%
17	Đỗ Quang Hải	245M Nguyễn Trãi, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM	Cá nhân	11.000	0,73%
18	Nguyễn Hữu Bá	Tổ 23 P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng	Cá nhân	10.000	0,67%
19	Nguyễn Hoàng Phú Sĩ	169 Đường Bế Văn Đàn, Đà Nẵng	Cá nhân	10.000	0,67%

TT	Tên cá nhân/Tổ chức	Địa chỉ	Cá nhân/Tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ
20	Nguyễn Thị Mậu	Khối 12, P. Tân Thạnh, Tam kỳ, Quảng nam	Cá nhân	10.000	0,67%
		Tổng cộng:		1.115.643	74,38%

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2013: **Không có**
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2013: **Không có**
- e. Các chứng khoán khác năm 2013: **Không có**

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ban Tổng giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013:

Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2013 là: 11,130 tỷ đồng/16,00 tỷ đồng đạt tỷ lệ 69,57% so với kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế năm 2013 là: 0,393 tỷ đồng /1,6 tỷ đồng đạt tỷ lệ 24,60% so với kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế năm 2013 là: 0,393 tỷ đồng / 1,2 tỷ đồng đạt tỷ lệ 32,81% so với kế hoạch.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu: 1,87%

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Theo báo cáo tài chính năm 2013 cho thấy tổng giá trị tài sản tăng 14,699 tỷ, tương ứng với tỷ lệ 64% chủ yếu là do tài sản ngắn hạn tăng mạnh. Nếu nhìn vào kết cấu tài sản của công ty cho thấy công ty đẩy mạnh vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh hạn chế đầu tư tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp.

b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

+ Khả năng thanh toán của doanh nghiệp thể hiện năng lực về tài chính có được để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2013 là 2,07 > 1 và giảm so với năm 2012 cho thấy khả năng trả nợ ngắn hạn của doanh nghiệp là rất an toàn.

+ Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản của doanh nghiệp 0,44 lần cho thấy tài sản của doanh nghiệp không phải là nguồn vay và đã có xu hướng tăng so với năm 2012, doanh nghiệp không cần huy động từ nguồn vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy được vai trò của đòn bẩy tài chính.

- + Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu 0,79 lần cho biết tỷ lệ giữa hai nguồn vốn cơ bản là nợ và vốn chủ sở hữu, tỷ lệ này năm 2013 là 0,79 lần tăng 79% so với năm 2012.
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014:

Doanh thu	:	25.050.000.000 đồng
Trong đó:		
Xây lắp, lắp đặt	:	15.000.000.000 đồng
Khai thác đất dự án Khu dân cư	:	10.000.000.000 đồng
Hoạt động tài chính + khác	:	50.000.000 đồng
Lợi nhuận trước thuế	:	3.000.000.000 đồng
Lợi nhuận sau thuế	:	2.400.000.000 đồng
Cổ tức	:	10%

4.2 Kế hoạch tiền lương 2014:

Để đảm bảo việc chi trả lương theo đúng chế độ Nhà nước, kích thích sản xuất phát triển. Quỹ lương năm 2014 là 6% / Sản lượng Doanh thu.

Trong đó:

- + Thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là: 5% lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ lương Ban giám đốc, các phòng ban và đơn vị là: 6%/ Sản lượng Doanh thu.

4.3 Kế hoạch đầu tư:

Nghiên cứu các dự án cơ sở hạ tầng vừa và nhỏ tại khu vực tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận.

4.4 Kế hoạch tài chính:

Kế hoạch tài chính năm 2014: Công ty sẽ sử dụng vốn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác dùng cho vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh khi có nhu cầu.

4.5 Thông qua chủ trương lựa chọn đơn vị kiểm toán:

Nhất trí chọn Công ty kiểm toán và kế toán AAC là đơn vị thực hiện kiểm toán tài chính Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam trong năm 2014.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

- Về việc khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty chưa được trích lập dự phòng: 885.323.759 đồng.

Nguyên nhân: Đối với khoản nợ phải thu quá hạn nêu trên là các khoản phải thu của giá trị còn lại của các hợp đồng chưa thanh toán do chờ các kết quả kiểm toán của các công

trình được phê duyệt của Chủ đầu tư và theo như các điều khoản thỏa thuận trong các hợp đồng kinh tế đã ký kết. Do vậy Công ty chúng tôi không thể trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu quá hạn nêu trên, nếu như trích lập thì ảnh hưởng rất lớn đến phản ánh kết quả SXKD trong năm 2013.

- Chi phí của một số công trình đã nghiệm thu, quyết toán và ghi nhận doanh thu nhưng vẫn phản ánh tại khoản mục “Hàng tồn kho” của Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 số tiền 422.262.095 đồng.

Nguyên nhân: Các giá trị công trình phát sinh tăng thêm mà Công ty đã thực hiện thi công hoàn thành, trong khi đó Chủ đầu tư chưa có kế hoạch bố trí nguồn vốn để quyết toán, cho nên dẫn đến những tồn tại trên. Công ty sẽ giải quyết dứt điểm những tồn tại trên trong năm 2014.

- Một số khoản nợ phải thu 6.003.122.312 đồng và nợ phải trả 2.043.577.029 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2013.

Nguyên nhân: Đối với các khoản nợ phải thu và phải trả nêu trên. Công ty đã gửi văn bản cho các đơn vị liên quan đề nghị xác nhận. Tại thời điểm kiểm toán ra báo cáo đơn vị chưa nhận được các văn bản xác nhận công nợ từ phía khách hàng do nhiều yếu tố khách quan cũng như yếu tố chủ quan của các khách hàng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Theo đánh giá của HĐQT, năm 2013 là một năm đầy sóng gió của nền kinh tế Việt Nam với tốc độ tăng trưởng chậm, lạm phát được kiềm chế nhưng thị trường sản xuất đình trệ vì thiếu vốn, hàng tồn kho tăng cao, thị trường tài chính chứng khoán âm ảm và thị trường bất động sản thì gần như đóng băng... Cũng như các doanh nghiệp khác, trong năm qua, QTC đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thử thách để vượt qua khủng hoảng và tiếp tục phát triển... Tuy nhiên, với nền tảng kinh nghiệm vững chắc; uy tín thương hiệu tốt; đồng thời với sự nỗ lực hết mình của tập thể lãnh đạo và CBNV, Công ty QTC đã có một năm hoạt động được đánh giá là thành công về công tác kinh doanh cũng như quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2013, Công ty đã đạt tổng doanh thu hơn 11,130 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt hơn 0,393 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đạt được những tiến bộ vượt bậc về khả năng quản lý điều hành chuyên nghiệp, có thể nói đẳng cấp và giá trị thương hiệu của QTC đã được khẳng định đáng kể trên thị trường khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua hệ thống các Nghị quyết, Báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị định kỳ cũng như đột xuất.

Kết thúc năm 2013, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra. Ban Tổng giám đốc cũng đã góp phần để thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2013.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Năm 2014 dự đoán kinh tế vẫn đang ở trong giai đoạn khó khăn. Thị trường và môi trường kinh doanh ngành nghề xây lắp vẫn bị ảnh hưởng rất lớn, thị trường vốn nói chung và nguồn vốn Công ty nói riêng có nhiều khó khăn và hạn hẹp.

- + Thị trường chứng khoán giảm mạnh, thu hồi vốn chậm và thường xuyên gặp những khoản nợ phải thu quá hạn dẫn đến kết quả SXKD kém hiệu quả, một phần hoạt động phải vay ngân hàng, chi phí tài chính tăng cao, làm ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận.
- + Các công trình mà công ty chuẩn bị triển khai hầu hết đều là những nơi có địa hình khó khăn, chi phí nhân công và chi phí vận chuyển lớn, thời gian thực hiện luôn kéo dài, do vậy giá thành lớn làm ảnh hưởng rất nhiều đến lợi nhuận của Công ty.

Trong bối cảnh này, HĐQT xác định hướng hoạt động của công ty trong năm 2014 như sau:

- + Tiếp tục phát triển mảng kinh doanh truyền thống, tập trung nguồn lực để phát triển dịch vụ kỹ thuật cho mảng di động đặc biệt là công tác đo kiểm, lắp đặt thiết bị trạm di động và công tác bảo trì bảo dưỡng thiết bị.
- + Tiếp tục thực hiện việc đổi mới công tác quản trị Công ty một cách hợp lý nhằm nâng cao chất lượng đem lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động SXKD.
- + Tăng cường công tác quan hệ để củng cố và mở rộng thị trường, đặc biệt chú ý đến các khách hàng ngoài VNPT...

Căn cứ những dự đoán của thị trường, HĐQT đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2014 với các chỉ tiêu được xác định trong bảng tóm tắt sau:

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Tỷ lệ % (14/13)
Doanh thu	11.130.925.625	25.050.000.000	225,05
Lợi nhuận trước thuế	393.666.841	3.000.000.000	762,07
Lợi nhuận sau thuế	393.666.841	2.400.000.000	609,65
Chi trả cổ tức	0	10%	

Định hướng chiến lược phát triển năm 2014:

Tiếp tục thực hiện các công trình xây lắp chuyên ngành ngày càng chuyên nghiệp và tinh gọn bộ máy, mở rộng các lĩnh vực sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở hạ tầng hiện có đối với các sản phẩm ngoài chuyên ngành Viễn thông như: Ngành điện, xây dựng... phối hợp với một số doanh nghiệp khác đầu tư kinh doanh các dự án hạ tầng, bất động sản... nhằm giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận ròng trên 10% vốn cổ đông.

Cụ thể:

Lĩnh vực xây lắp: Xác định xây lắp chuyên ngành Viễn thông vẫn là lĩnh vực chính. Tập trung tăng doanh thu loại công trình viễn thông có hàm lượng kỹ thuật và công nghệ cao, phát triển mạnh đối với các đối tác đang có tiềm năng lớn ngoài VNPT.

Lĩnh vực sản xuất, thương mại: Đa dạng hóa các sản phẩm phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện và các lĩnh vực xây dựng, chủ động tìm kiếm các nguồn nguyên liệu đầu vào tránh những tác động của giá nguyên liệu tăng đột biến, ảnh hưởng đến giá thành và lợi nhuận.

Lĩnh vực đầu tư dự án hạ tầng: Khai thác hiệu quả dự án Khu dân cư Sơn Xuyên đang đầu tư, nghiên cứu lập dự án và tham gia triển khai các dự án hạ tầng vừa và nhỏ tại khu vực tỉnh Quảng Nam.

Lĩnh vực hoạt động tài chính: Tham gia các dự án liên doanh đối với các Công ty đang hoạt động hiệu quả hoặc góp vốn vào các dự án hạ tầng nhằm bổ sung lợi nhuận của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Tỷ lệ cổ phần	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
1	Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch HĐQT	Thạc sĩ Điện tử Viễn thông	32,67%	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
				0,83%	Cá nhân
2	Trần Hoài Thanh	Ủy viên HĐQT/Tổng giám đốc	Cử nhân Kinh tế - Du lịch	1,37%	Cá nhân
3	Trần Đình Chinh	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư Điện tử Viễn thông	1,33%	Cá nhân

Số lượng thành viên độc lập 02 người:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Tỷ lệ cổ phần	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
1	Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch	Thạc sĩ Điện tử	32,67%	Đại diện vốn của

		HĐQT	Viễn thông	0,83%	Tập đoàn VNPT Cá nhân
2	Trần Đình Chinh	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư Điện tử Viễn thông	1,33%	Cá nhân

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: **Không có**

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động của Hội đồng quản trị công ty QTC trong năm 2013 là tốt, thể hiện qua việc thường xuyên có các cuộc họp và nghị quyết, cụ thể như sau:

Stt	Nội dung cuộc họp	Kết quả các thành viên thông qua	Ngày, tháng, năm
1	Biên bản họp HĐQT về việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013	100%	27/02/2013
2	Quyết định của HĐQT về việc thành lập Ban Quản lý dự án công trình: Đầu tư dự án KDC Sơn Xuyên, Khối phố 3, Thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	100%	01/3/2013
3	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013	100%	16/4/2013
4	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013	100%	16/4/2012
5	Biên bản họp HĐQT về việc triển thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.	100%	17/4/2013
6	Biên bản họp HĐQT về việc sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013.	100%	27/6/2013
7	Biên bản họp HĐQT về việc sơ kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2013.	100%	30/10/2013

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: **Không có**

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: **Không có**

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát trước ngày 31/12/2013

Stt	Họ tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Số lượng cp sở hữu
1	Phạm Ngọc Hiệp	Trưởng Ban Kiểm soát	Cử nhân Toán - Tin	5.250

			học, Cử nhân kinh tế	
2	Nguyễn Đông	Ủy viên BKS	Cử nhân Kinh tế - Kế toán	3.750
3	Nguyễn Trí Bảy	Ủy viên BKS	Cử nhân Luật	2.750

Ban kiểm soát từ ngày 01/01/2014

Stt	Họ tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Số lượng cp sở hữu
1	Phạm Ngọc Hiệp	Trưởng Ban Kiểm soát	Cử nhân Toán - Tin học, Cử nhân kinh tế	5.250
2	Nguyễn Đông	Ủy viên BKS	Cử nhân Kinh tế - Kế toán	3.750
3	Nguyễn Trí Bảy	Ủy viên BKS	Cử nhân Luật	2.750

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

b1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

* **Hoạt động:** Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên. Được hoạt động theo luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.

- Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban Tổng giám đốc tổ chức kiểm tra các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thu nhận thông tin từ HĐQT, cung cấp về hoạt động kinh doanh. Tập hợp báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo Đại hội đồng Cổ đông, các kiến nghị của Cổ đông.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp với HĐQT Công ty tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

b2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp định kỳ với Ban Tổng giám đốc, giám sát và kiểm tra kết quả hoạt động, điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, góp phần làm cho hoạt động SXKD được minh bạch, lành mạnh.
- Kiểm tra báo cáo tài chính, báo cáo thẩm định về việc thực hiện giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT về việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, năm của Công ty.
- Thống nhất những đề xuất, kiến nghị với HĐQT trước khi trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

b3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

* **Hội đồng Quản trị:**

- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đề ra, có những định hướng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, và được hoạch định hoàn chỉnh, có cơ sở thuyết phục và mang tính khả thi cao. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện đã có những quyết định đúng đắn, kiên quyết trong công tác quản lý, điều động, bố trí cán bộ, khắc phục được những hạn chế do môi trường sản xuất kinh doanh bất lợi trong năm 2013, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn.
- Tổ chức thực hiện tốt chương trình mục tiêu và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tạo tiền đề cho Công ty phát triển bền vững

* **Ban Tổng giám đốc:**

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh trên cơ sở nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban tổng giám đốc đã linh hoạt tiếp cận thị trường, giải quyết việc làm đầy đủ cho người lao động, năng động sáng tạo trong xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện, đưa ra các giải pháp quản lý điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn đảm bảo nguyên tắc và đạt hiệu quả.

* **Cán bộ quản lý:**

Bộ phận cán bộ quản lý của Công ty thừa hành thực hiện nhiệm vụ được giao, luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, năng động sáng tạo trong quá trình thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Cổ đông công ty luôn thể hiện tinh thần đoàn kết và có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khi có yêu cầu.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cổ đông luôn phối hợp thực hiện đảm bảo đúng thủ tục trình tự, được gắn kết chặt chẽ hỗ trợ lẫn nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty:

* **Tình hình hoạt động:**

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, bộ máy quản lý điều hành đã thực hiện đầy đủ và thắng lợi chương trình mục tiêu kinh tế xã hội và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về định hướng chiến lược phát triển kinh doanh năm 2013 của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, đạt hiệu quả thể hiện các mặt sau:

- Quản lý điều hành bằng hình thức ban hành các quy chế nội bộ của doanh nghiệp, điều chỉnh bằng các Nghị quyết của HĐQT và các Quyết định của Ban Tổng giám đốc, hoạt động theo Điều lệ của Công ty Cổ phần, kịp thời bổ sung, sửa đổi, các quy chế phù hợp với chế độ chính sách hiện hành và cơ chế thị trường. Sử dụng một cách hợp lý về tiền vốn và nguồn lực đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, việc trả lương, thưởng đảm bảo nguyên tắc và kịp thời động viên khuyến khích người lao động.
- Theo dõi, quản lý tốt nguồn tài chính của Công ty, thường xuyên quan tâm đến công tác thanh toán vốn và thu hồi nợ, hoạt động sản xuất kinh doanh bằng vốn tự có và vay ngân hàng.
- Tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh phát triển bền vững, bảo toàn và phát triển vốn của Công đồng, cụ thể là:
 - + Tổng doanh thu năm 2013 đạt 11,130 tỷ đồng so với năm 2012 là 9,996 tỷ đồng, đạt 111,35%.
 - + Lợi nhuận năm 2013 đạt 0,393 tỷ đồng so với năm 2012 là 0,124 tỷ đồng, đạt 315.89%.
 - + Thu nhập người lao động bình quân năm 2013 là: 4,2 triệu đồng/người/tháng so với năm 2012 là 3,5 triệu đồng/người/tháng đạt 120%.

*** Công tác tài chính Công ty:**

Công tác tài chính luôn thực hiện đảm bảo nguyên tắc, đúng luật kế toán và các quy định tài chính hiện hành, có quy chế hoạt động tài chính nội bộ công ty, quản lý tốt công tác tài chính, tình hình tài chính ổn định, sản xuất kinh doanh phát triển tốt, thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với nhà nước.

Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC bao gồm: Báo cáo kiểm toán; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo về tình hình tài chính của Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2013 và các số liệu Ban tài chính kế toán Công ty cung cấp, Ban kiểm soát tiến hành thẩm tra và đánh giá như sau:

- Kết quả hoạt động tài chính năm 2013:

Đơn vị tính: VN đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012	So sánh 2013/2012%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	11.130.925.625	9.996.274.594	111,35
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)	10	11.130.925.625	9.996.274.594	111,35
4. Giá vốn hàng bán	11	9.340.476.557	8.929.260.763	104,61

5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20	1.790.449.068	1.067.013.831	167,80
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	623.807.691	315.584.724	197,67
7. Chi phí tài chính	22	28.620.011	80.614.356	35,50
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	22.709.635	19.204.955	118,25
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.863.724.813	1.964.375.733	94,88
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	521.911.935	(662.391.534)	
11. Thu nhập khác	31	168.148.863	1.205.374.910	13,95
12. Chi phí khác	32	296.393.957	418.363.231	70,85
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(128.245.094)	787.011.679	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	393.666.841	124.620.145	315,89
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.285.604		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	11.285.604		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	393.666.841	124.620.145	315,89
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	262,4	83,0	315,89

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2013 tăng hơn so với năm 2012 cụ thể.

- + Tổng doanh thu tăng 111,35 %,
- + Lợi nhuận sau thuế tăng 315,89 %.

Ban kiểm soát căn cứ số liệu và báo cáo kết quả kiểm toán của Công ty năm 2013, đã được Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC, đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện và Bang Tài chính - Kế toán Công ty chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các chứng từ và tính trung thực về số liệu đã cung cấp để kiểm tra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát :

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Stt	Họ và tên	Các khoản lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác			
		Lương hàng tháng (đồng)	Thưởng (đồng)	Thù lao (đồng)	Các lợi ích khác
I	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Viết Hà - Chủ	0	0	0	0

	tịch HĐQT				
2	Trần Đình Chinh - Ủy viên TT HĐQT kiêm Tổng giám đốc	8.175.975	0	0	0
3	Trần Hoài Thanh - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	7.743.702	0	0	0
II	Ban kiểm soát				
1	Phạm Ngọc Hiệp - Trưởng Ban kiểm soát	0	0	0	0
2	Nguyễn Đông - Ủy viên Ban kiểm soát	0	0	0	0
3	Nguyễn Trí Bày - Ủy viên Ban kiểm soát	0	0	0	0

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: **Không có**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: **Không có phát sinh**

Stt	Tên hợp đồng	Cổ đông nội bộ

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty QTC đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp & Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000364082 ngày 25 tháng 01 năm 2002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/07/2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2013: 15.000.000.000 đồng.

Công ty đã thực hiện niêm yết Cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 661/QĐ-SGDHN ngày 22/09/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là QCC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 510.3811811 – 3811347
- Fax: (84) 510.3811999
- E-mail: qtc@dng.vnn.vn
- Website: www.qtc.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Thi công xây lắp các công trình bưu chính - viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình xây lắp dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh - truyền hình;
- Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm định, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học;
- Mua bán vật tư, hàng hóa, thiết bị bưu chính - viễn thông, điện tử, tin học, cơ, điện, điện lạnh và các thiết bị tin học;
- Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học, cơ, điện, điện lạnh và các thiết bị tin học;
- Sản xuất, kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành viễn thông tin học;
- Kinh doanh phát triển các dịch vụ bưu chính;
- Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính - viễn thông, điện tử, tin học;
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ;

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Sản xuất sản phẩm cột bê tông ly tâm, cầu kiện bê tông;
- Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất;
- Cung cấp các dịch vụ gia tăng giá trên mạng Internet;
- Xuất bản phần mềm;
- Dịch vụ quảng cáo điện tử;
- Dịch vụ viễn thông có dây, không dây, vệ tinh, internet;
- Kinh doanh dịch vụ đo kiểm viễn thông.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 26 người. Trong đó cán bộ quản lý là 11 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-----------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Viết Hà | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2012 |
| • Ông Trần Đình Chinh | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2012 |
| • Ông Trần Hoài Thanh | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2012 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Đông | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2012 |
| • Ông Phạm Ngọc Hiệp | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2012 |
| • Ông Nguyễn Trí Bảy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Trần Đình Chinh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/10/2010 |
| • Ông Trần Hoài Thanh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/02/2007 |
| • Ông Lưu Văn Minh Thành | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân | Phụ trách Kế toán | Bổ nhiệm ngày 24/03/2012 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78 – 80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Trần Đình Chính
Quảng Nam, ngày 30 tháng 03 năm 2014

1. Ý kiến kiểm toán



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dnq.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 423/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông
C.ty Cp Xây Lắp & Phát triển Dịch vụ Bưu Điện Quảng Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10/03/2014 của Công ty Cổ phần Xây lắp & Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 26.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích

hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược

1. Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định tính đến ngày 31/12/2013 là 885.323.759 đồng.
2. Như trình bày tại mục (*) tại thuyết minh số 8 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, chi phí của một số công trình đã nghiệm thu, quyết toán và ghi nhận doanh thu nhưng vẫn phản ánh tại khoản mục “Hàng tồn kho” của Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 số tiền 422.262.095 đồng.

Nếu hạch toán đầy đủ các khoản chi phí nêu tại mục (1) và (2) theo đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu “Hàng tồn kho” sẽ giảm đi 422.262.095 đồng, chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” sẽ tăng thêm 885.323.759 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm đi 1.307.585.854 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” của Công ty lỗ 913.919.013 đồng chứ không phải lãi 393.666.841 đồng như đã trình bày.

3. Một số khoản nợ phải thu 6.003.122.312 đồng và nợ phải trả 2.043.577.029 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2013. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán trái ngược

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược”, Báo cáo tài chính đã không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Trọng Hiếu
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0391-2013-010-1

Ngô Thị Kim Anh
Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1100-2013-010-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.574.105.067	19.703.528.186
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.540.900.857	6.813.053.546
1. Tiền	111		2.540.900.857	1.570.177.790
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.242.875.756
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5.100.000.000	466.442.280
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.100.000.000	502.092.180
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(35.649.900)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.799.792.280	8.945.038.393
1. Phải thu khách hàng	131		11.002.427.129	8.193.000.222
2. Trả trước cho người bán	132		122.068.850	143.000.450
3. Các khoản phải thu khác	135	7	5.675.296.301	609.037.721
IV. Hàng tồn kho	140		8.264.861.646	2.112.113.712
1. Hàng tồn kho	141	8	8.372.511.278	2.219.763.344
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(107.649.632)	(107.649.632)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.868.550.284	1.366.880.255
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	56.392.681	34.876.890
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		312.043.791	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	17.745.915	29.031.519
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	1.482.367.897	1.302.971.846
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.193.057.268	3.364.487.356
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.338.400.567	2.923.556.503
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.338.400.567	2.923.556.503
- Nguyên giá	222		9.203.760.703	10.279.187.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.865.360.136)	(7.355.631.369)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	26.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(26.600.000)
III. Bất động sản đầu tư	240	13	16.973.556	-
- Nguyên giá	241		355.829.784	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(338.856.228)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	774.248.624	375.164.599
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		80.000.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		700.159.000	1.110.177.965
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(5.910.376)	(735.013.366)
V. Tài sản dài hạn khác	260		63.434.521	65.766.254
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	48.987.207	62.604.544
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		11.285.604	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.161.710	3.161.710
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		37.767.162.335	23.068.015.542

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.663.195.033	2.357.715.081
I. Nợ ngắn hạn	310		16.555.522.306	2.277.315.081
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	5.527.378.932	-
2. Phải trả người bán	312		9.079.216.280	1.287.129.197
3. Người mua trả tiền trước	313		1.128.560.430	6.409.855
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	154.457.763	283.608.575
5. Phải trả người lao động	315		773.030.290	732.399.129
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	66.710.794	94.650.508
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(173.832.183)	(126.882.183)
II. Nợ dài hạn	330		107.672.727	80.400.000
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	19	107.672.727	80.400.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.103.967.302	20.710.300.461
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	21.103.967.302	20.710.300.461
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	6.673.350.000	6.673.350.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	(569.382.698)	(963.049.539)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		37.767.162.335	23.068.015.542


 Ông Giám đốc
 Trần Đình Chinh
 Quang Nam, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Phụ trách Kế toán

 Nguyễn Thị Hoài Nhân

Người lập biểu

 Phạm Thị Trúc Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	21	11.130.925.625	9.996.274.594
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	21	11.130.925.625	9.996.274.594
4. Giá vốn hàng bán	11	22	9.340.476.557	8.929.260.763
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		1.790.449.068	1.067.013.831
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	508.868.290	315.584.724
7. Chi phí tài chính	22	24	(86.319.390)	80.614.356
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	22.709.635	19.204.955
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.863.724.813	1.964.375.733
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		521.911.935	(662.391.534)
11. Thu nhập khác	31	25	168.148.863	1.205.374.910
12. Chi phí khác	32	26	296.393.957	418.363.231
13. Lợi nhuận khác	40		(128.245.094)	787.011.679
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27	393.666.841	124.620.145
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	11.285.604	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(11.285.604)	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	27	393.666.841	124.620.145
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	262	83

Ông Giám đốc

Trần Đình Chinh
 Quang Nam, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Hoài Nhân

Người lập biểu

Phạm Thị Trúc Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	11.053.218.136	18.644.264.019
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(10.483.320.071)	(10.052.742.398)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.676.193.592)	(2.402.352.235)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(75.396.085)	(19.204.955)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.639.291.751	1.077.339.783
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.242.329.971)	(2.794.741.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.784.729.832)	4.452.563.022
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(132.300.000)	(55.170.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	1.053.600.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.600.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(80.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	280.045.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	517.453.211	284.701.914
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.014.801.789)	1.283.131.914
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.602.597.232	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(75.218.300)	(890.501.729)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.527.378.932	(890.501.729)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.272.152.689)	4.845.193.207
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.813.053.546	1.967.860.339
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.540.900.857	6.813.053.546

Ông Giám đốc

Trần Đình Chinh
 Quang Nam, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Hoài Nhân

Người lập biểu

Phạm Thị Trúc Linh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các BCTC)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000364082 ngày 25 tháng 01 năm 2002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/07/2013.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Chi tiết: Thi công các công trình xây lắp bưu chính - viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình;
- Xuất bản phần mềm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
Chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng giá trên mạng internet;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính;
- Bưu chính;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Khách sạn;
- Cổng thông tin;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ đo kiểm viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
Chi tiết: Sản xuất sản phẩm cột bê tông ly tâm, cầu kiện bê tông;
- Hoạt động tư vấn quản lý.
Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

- Sửa chữa thiết bị khác
Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bu chính, viễn thông, cơ, điện và điện lạnh và các thiết bị tin học;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 20
Máy móc, thiết bị	6 – 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT -BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin

cây thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.

- ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch

tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% cho hoạt động xây lắp, các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% cho 6 tháng đầu năm 2013, 6 tháng cuối năm 2013 áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% theo qui định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, ký quỹ, ký cược, các khoản phải thu khác và đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	255.952.284	308.268.894
Tiền gửi ngân hàng	2.284.948.573	1.261.908.896
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi NH kỳ hạn 1 tháng)	-	5.242.875.756
Cộng	<u>2.540.900.857</u>	<u>6.813.053.546</u>

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Tiền gửi có kỳ hạn		5.100.000.000		-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		5.100.000.000		-
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		-		502.092.180
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect (VND)	-	-	49.500	500.949.900
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	-	-	200	1.142.280
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		-		(35.649.900)
Cộng		<u>5.100.000.000</u>		<u>466.442.280</u>

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	12.349.590	-
BHXH phải thu người lao động	13.626.911	13.626.913
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	5.702.778	34.421.699
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Điện Bàn	5.145.659.805	-
Trần Quang Tiến	-	36.379.450
Ứng trước lương cho người lao động	-	193.500.000
Các khoản khác	497.957.217	331.109.659
Cộng	<u>5.675.296.301</u>	<u>609.037.721</u>

8. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	550.691.889	825.039.093
Chi phí SX, KD dở dang (*)	7.809.434.853	1.382.339.715
Thành phẩm	12.384.536	12.384.536
Cộng	<u>8.372.511.278</u>	<u>2.219.763.344</u>

* Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại 31/12/2013, một số công trình đã nghiệm thu và quyết toán hoàn thành:

+ Công trình đầu tư xây dựng CSHT 6 trạm angten Huế 2008:	28.700.000 đồng
+ Công trình xây Dựng các tuyến CQ Ngọc Hồi- Daklei:	303.562.095 đồng
+ Công trình qui hoạch mạng cáp Sông Vệ-Quán Trạng:	90.000.000 đồng

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí sửa chữa và bảo hiểm xe	12.071.470	26.176.891
Tiền thuê đất đặt trạm BTS	18.241.666	8.699.999
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.079.545	-
Cộng	56.392.681	34.876.890

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	12/31/2012 VND
Thuế TNDN nộp thừa	17.745.915	29.031.519
Cộng	17.745.915	29.031.519

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	1.215.632.244	1.302.971.846
Tài sản thiếu chờ xử lý	266.735.653	-
Cộng	1.482.367.897	1.302.971.846

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.718.480.475	3.395.838.338	2.132.910.446	1.031.958.613	10.279.187.872
Mua sắm trong năm	-	132.300.000	-	-	132.300.000
Giảm theo TT45	21.840.000	244.092.863	15.000.000	570.964.522	851.897.385
Chuyển qua BĐS đầu tư	355.829.784	-	-	-	355.829.784
Số cuối năm	3.340.810.691	3.284.045.475	2.117.910.446	460.994.091	9.203.760.703
Khấu hao					
Số đầu năm	2.004.333.771	2.297.128.382	2.064.006.056	990.163.160	7.355.631.369
Khấu hao trong năm	208.705.676	315.380.880	68.904.390	16.718.184	609.709.130
Giảm theo TT45	9.706.656	224.757.923	15.000.000	570.964.522	820.429.101
Chuyển qua BĐS đầu tư	279.551.262	-	-	-	279.551.262
Số cuối năm	1.923.781.529	2.387.751.339	2.117.910.446	435.916.822	6.865.360.136
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.714.146.704	1.098.709.956	68.904.390	41.795.453	2.923.556.503
Số cuối năm	1.417.029.162	896.294.136	-	25.077.269	2.338.400.567

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 3.886.737.663 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2013 là: 1.011.490.585 đồng.

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	-	-
Tăng trong năm	355.829.784	355.829.784
Giảm trong năm	-	-
Số cuối kỳ	355.829.784	355.829.784
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	279.551.262	279.551.262
Khấu hao trong năm	59.304.966	59.304.966
Giảm trong năm	-	-
Số cuối kỳ	338.856.228	338.856.228
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	16.973.556	16.973.556

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		80.000.000		-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng QTC	8.000	80.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn khác		700.159.000		1.110.177.965
- Công ty CP Điện tử Viễn thông Tin học Bưu điện (1)	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (VHG)	9	159.000	51.519	910.177.965
- Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng		500.000.000		-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (2)		(5.910.376)		(735.013.366)
Cộng		774.248.624		375.164.599

- (1) Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Viễn thông Tin học Bưu điện. Cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của nó. Do đó, giá trị cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.
- (2) Là khoản trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt Hàn (mã chứng khoán VHG) và dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Hạ tầng QTC:
- ✓ Khoản dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu VHG được căn cứ vào số lượng cổ phiếu Công ty hiện đang nắm giữ và chênh lệch giữa giá đóng cửa ngày 31/12/2013 tại HOSE với giá ghi sổ kế toán.
 - ✓ Khoản dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Hạ tầng QTC được căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2013 chưa kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Hạ tầng QTC.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	48.987.207	62.604.544
Cộng	48.987.207	62.604.544

16. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	5.527.378.932	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Quảng Nam	3.880.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Quảng Nam	1.647.378.932	-
Cộng	5.527.378.932	-

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	153.630.740	282.781.552
Thuế thu nhập cá nhân	827.023	827.023
Cộng	154.457.763	283.608.575

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi dự trả	13.941.041	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	52.769.753	94.650.508
Cộng	66.710.794	94.650.508

19. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Doanh thu cho thuê trạm BTS	107.672.727	80.400.000
Cộng	107.672.727	80.400.000

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	15.000.000.000	6.673.350.000	1.498.582.464	(2.586.252.148)	20.585.680.316
Tăng trong năm	-	-	-	1.623.202.609	1.623.202.609
Giảm trong năm	-	-	1.498.582.464	-	1.498.582.464
Số dư tại 31/12/2012	15.000.000.000	6.673.350.000	-	(963.049.539)	20.710.300.461
Số dư tại 01/01/2013	15.000.000.000	6.673.350.000	-	(963.049.539)	20.710.300.461
Tăng trong năm	-	-	-	393.666.841	393.666.841
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2013	15.000.000.000	6.673.350.000	-	(569.382.698)	21.103.967.302

b. Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu thường</i>	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu thường</i>	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(963.049.539)	(2.586.252.148)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	393.666.841	124.620.145
Tăng lợi nhuận từ quỹ dự phòng tài chính	-	1.498.582.464
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>(569.382.698)</u>	<u>(963.049.539)</u>

21. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu	11.130.925.625	9.996.274.594
+ <i>Doanh thu bán hàng</i>	150.400.000	2.021.970.518
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	228.872.728	211.600.000
+ <i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	10.751.652.897	7.762.704.076
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ	<u>11.130.925.625</u>	<u>9.996.274.594</u>

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	92.327.036	2.004.344.315
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	85.683.434	100.845.373
Giá vốn hoạt động xây dựng	9.162.466.087	6.824.071.075
Cộng	<u>9.340.476.557</u>	<u>8.929.260.763</u>

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	488.734.290	315.584.724
Lãi do bán chứng khoán	20.134.000	-
Cộng	508.868.290	315.584.724

24. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	22.709.635	19.204.955
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	5.815.274	61.409.401
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán đã bán	(770.568.164)	-
Lỗ do bán chứng khoán	655.723.865	-
Cộng	(86.319.390)	80.614.356

25. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thanh lý TSCĐ	-	957.818.182
Thu tiền điện	68.060.627	-
Thu nhập từ bồi thường	93.678.381	-
Thu nhập khác	6.409.855	247.556.728
Cộng	168.148.863	1.205.374.910

26. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí quản lý Công ty niêm yết	30.000.000	30.000.000
Tiền phạt hành chính	-	139.700.731
Tiền thuê đất phải nộp	119.410.200	119.410.200
Chi hộ tiền điện	68.060.627	-
Chi phí bồi thường	63.119.613	-
Chi phí khác	15.803.517	129.252.300
Cộng	296.393.957	418.363.231

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	393.666.841	124.620.145
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(393.666.841)	(124.620.145)
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	309.677.584	297.627.584
- Điều chỉnh giảm (chuyển lỗ năm 2010)	703.344.425	422.247.729
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (1% tam nộp của hoạt động kinh doanh BĐS)	11.285.604	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(11.285.604)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	393.666.841	124.620.145

Tại ngày 31/12/2013, Công ty có khoản lỗ lũy kế số tiền 2.068.274.737 đồng có thể được chuyển lỗ trong các năm từ 2014 – 2016. Công ty chưa ghi nhận phần thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ lũy kế nêu trên (tương ứng 413.654.947 đồng) do chưa chắc chắn về khả năng có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	393.666.841	124.620.145
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	393.666.841	124.620.145
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	262	83

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.828.605.796	640.743.258
Chi phí nhân công	3.297.349.808	2.860.671.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	669.014.096	859.137.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.991.024.426	4.053.732.718
Chi phí khác bằng tiền	760.873.800	620.739.601
Cộng	17.546.867.926	9.035.025.026

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt

của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chính là hoạt động xây dựng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

31. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Chi phí thuê ngoài xây dựng chiếm phần lớn trong giá vốn sản xuất kinh doanh nên Công ty chịu rủi ro về giá phí hoạt động thuê ngoài xây dựng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng chính sách lựa chọn nhà cung cấp. Theo đó, ưu tiên

hàng đầu của Công ty là lựa chọn những nhà cung cấp dịch vụ uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty luôn linh hoạt trong việc lựa chọn nhà cung cấp bằng việc tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo dịch vụ được cung cấp với mức giá hợp lý và chất lượng nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động giá phí hoạt động thuê ngoài xây dựng ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng hạn mức bán hàng những khách hàng bán tín chấp lâu năm, tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định bán tín chấp hay thanh toán trước tiền hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	5.527.378.932	-	5.527.378.932
Phải trả người bán	9.079.216.280	-	9.079.216.280
Phải trả khác	66.710.794	-	66.710.794
Cộng	<u>14.673.306.006</u>	<u>-</u>	<u>14.673.306.006</u>
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	1.287.129.197	-	1.287.129.197
Phải trả khác	94.650.508	-	94.650.508
Cộng	<u>1.381.779.705</u>	<u>-</u>	<u>1.381.779.705</u>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.540.900.857	-	2.540.900.857
Phải thu khách hàng	11.002.427.129	-	11.002.427.129
Ký quỹ, ký cược	-	3.161.710	3.161.710
Phải thu khác	503.659.995	-	503.659.995
Đầu tư tài chính	5.100.000.000	700.063.898	5.800.063.898
Cộng	19.146.987.981	703.225.608	19.850.213.589
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.813.053.546	-	6.813.053.546
Phải thu khách hàng	8.193.000.222	-	8.193.000.222
Ký quỹ, ký cược	-	3.161.710	3.161.710
Phải thu khác	401.910.808	-	401.910.808
Đầu tư tài chính	466.442.280	375.164.599	841.606.879
Cộng	15.874.406.856	378.326.309	16.252.733.165

32. Thông tin về các bên liên quan: Trong năm Công ty không phát sinh các giao dịch với bên liên quan là các nhà đầu tư. Thù lao của HĐQT và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như sau:

Bên liên quan	Năm 2013
Thù lao HĐQT	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	180.863.361

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC.



Quảng Nam, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Hoài Nhân

Người lập biểu

Phạm Thị Trúc Linh

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (mã chứng khoán QCC) về kết quả sản xuất kinh doanh và các hoạt động quản trị của công ty trong năm 2013. Xin kính gửi đến Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, các Quý Cổ đông và Nhà Đầu tư.

Quảng Nam, ngày 14 tháng 4 năm 2014

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN HOÀI THANH



QTC

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
BƯU ĐIỆN QUẢNG NAM**

ĐỊA CHỈ PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

1. Địa chỉ trụ sở chính:

Phan Bội Châu - P. Tân Thạnh - TX. Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: (84-510) 3 811 811, 3 811 777 Fax: (84-510) 3 811 999
Website: www.qtc.com.vn Email: ceo@qtc.com.vn

Hãy để chúng tôi phục vụ bạn!